

Số: 09 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân công cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định phân công cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân công cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang.

2. Chủ đầu tư xây dựng công trình; Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Phân công cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy: Theo biểu phụ lục đính kèm.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Công Thương; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp; (Báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Như Điều 4; (thi hành)
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị;
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, QHĐTXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục
PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG
TỔ CHỨC KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Loại hình cơ sở	Nhóm 1	Nhóm 2
I. Sở Xây dựng chủ trì, các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp			
1	Nhà chung cư, nhà ở tập thể	Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có nhà cao từ 5 tầng đến dưới 7 tầng hoặc tổng diện tích sàn từ 1.000 m ² đến dưới 3.000 m ²
2	Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non	Có từ 150 cháu trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 2.000 m ² trở lên	Có từ 50 cháu đến dưới 150 cháu hoặc tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 2.000 m ²
3	Trường tiểu học; trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường đại học, trường cao đẳng; trường trung học chuyên nghiệp; trường dạy nghề; trường công nhân kỹ thuật; cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật về giáo dục; cơ sở nghiên cứu vũ trụ, trung tâm cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở nghiên cứu chuyên ngành khác	Có nhà cao từ 5 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có nhà cao từ 3 tầng đến dưới 5 tầng hoặc có tổng diện tích sàn từ 1.500 m ² đến dưới 3.000 m ²
4	Bệnh viện	Tổng số giường bệnh từ 250 giường trở lên	Tổng số giường bệnh dưới 250 giường
5	Phòng khám (đa khoa hoặc chuyên khoa), trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở phòng chống dịch bệnh, cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm	Có nhà cao từ 5 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 2.000 m ² trở lên	Có nhà cao từ 3 tầng đến dưới 5 tầng hoặc có tổng diện tích sàn từ 300 m ² đến dưới 2.000 m ²

TT	Loại hình cơ sở	Nhóm 1	Nhóm 2
	chuyên ngành y tế, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, dưỡng lão và cơ sở y tế khác theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh		
6	Sân vận động	Có sức chứa của khán đài từ 5.000 chỗ ngồi trở lên	Có sức chứa của khán đài từ 2.000 chỗ ngồi đến dưới 5.000 chỗ ngồi
7	Nhà thi đấu, nhà tập luyện các môn thể thao, bể bơi, sân thi đấu các môn thể thao có khán đài; trường đua, trường bắn; cơ sở thể thao khác được thành lập theo Luật Thể dục, thể thao	Có từ 5.000 chỗ ngồi trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 5.000 m ² trở lên	Có từ 1.000 chỗ ngồi đến dưới 5.000 chỗ ngồi hoặc có tổng diện tích sàn từ 1.000 m ² đến dưới 5.000 m ²
8	Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc	Có từ 300 chỗ ngồi trở lên	Có dưới 300 chỗ ngồi
9	Trung tâm hội nghị; bảo tàng; thư viện; nhà trưng bày; nhà triển lãm	Có nhà cao từ 5 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có nhà cao từ 3 tầng đến dưới 5 tầng hoặc tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²
10	Thủy cung; cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường; cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí; cơ sở biểu diễn nghệ thuật, hoạt động văn hóa khác	Cao từ 4 tầng trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 1.000 m ² trở lên	Cao từ 2 tầng đến dưới 4 tầng hoặc có tổng diện tích sàn từ 300 m ² đến dưới 1.000 m ²
11	Cơ sở tôn giáo; cơ sở tín ngưỡng (trừ nhà thờ dòng họ)	Có nhà có tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có nhà có tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²
12	Công trình di tích lịch sử - văn hóa	Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp quốc gia
13	Chợ; trung tâm thương mại; siêu thị	Có tổng diện tích sàn từ 2.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 300 m ² đến dưới 2.000 m ²

TT	Loại hình cơ sở	Nhóm 1	Nhóm 2
14	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở kinh doanh dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 300 m ² đến dưới 3.000 m ²
15	Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; cơ sở nghỉ dưỡng, cơ sở dịch vụ lưu trú khác	Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Cao từ 3 tầng đến dưới 7 tầng hoặc có tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²
16	Bưu điện; bưu cục, cơ sở cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông khác	Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Cao từ 3 tầng đến dưới 7 tầng hoặc có tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²
17	Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở, nhà làm việc của doanh nghiệp, tổ chức chính trị, xã hội	Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có nhà cao từ 3 tầng đến dưới 7 tầng hoặc có tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²
18	Nhà đa năng, nhà hỗn hợp, trừ nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh	Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có nhà cao từ 3 tầng đến dưới 7 tầng hoặc có tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²
19	Kho dự trữ quốc gia	Không phụ thuộc quy mô	-
20	Nhà để xe ô tô, xe máy, nhà trưng bày ô tô, xe máy	Có tổng diện tích sàn từ 2.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 2.000 m ²
21	Nhà máy nước, nhà máy xử lý chất thải	Không phụ thuộc quy mô	-
22	Nhà ga hành khách, nhà khách phục vụ ngoại giao, nhà ga hàng hóa thuộc cảng hàng không; nhà kỹ thuật máy bay; đài kiểm soát không lưu	Không phụ thuộc quy mô	-
23	Cảng, bến thủy nội địa; bến cảng biển	Thuộc công trình từ cấp III trở lên theo quy định của pháp luật về xây dựng	-

TT	Loại hình cơ sở	Nhóm 1	Nhóm 2
24	Cảng cạn	Không phụ thuộc quy mô	-
25	Cảng cá	Loại I	Loại II
26	Bến xe khách; trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông; trạm dừng nghỉ	Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²
27	Nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, đề - pô (depot) đường sắt; nhà ga cáp treo; nhà ga hành khách, đề - pô (depot) đường sắt đô thị	Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 300 m ² đến dưới 3.000 m ²
28	Hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm đường sắt đô thị	Chiều dài từ 1.000 m trở lên	Chiều dài từ 500 m đến dưới 1.000 m
29	Cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²
30	Cơ sở sửa chữa phương tiện thủy nội địa, tàu biển	Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 1.000 m ² đến dưới 3.000 m ²
31	Cơ sở hạt nhân	Không phụ thuộc quy mô	-
32	Cơ sở trợ giúp xã hội	Có nhà cao từ 3 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 300 m ² trở lên	-
33	Nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh	-	Có tổng diện tích phục vụ sản xuất, kinh doanh từ 200 m ² trở lên
34	Hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục, thể thao (trừ các dự án nằm trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp thuộc quản lý của	Từ 75 ha trở lên	Dưới 75 ha

TT	Loại hình cơ sở	Nhóm 1	Nhóm 2
	Ban Quản lý các khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh)		
II. Sở Công thương chủ trì, các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp			
35	Cơ sở kinh doanh hàng hóa dễ cháy	Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 200 m ² đến dưới 3.000 m ²
36	Cơ sở kinh doanh hàng hóa khó cháy hoặc hàng hóa không cháy đựng trong bao bì dễ cháy	Có tổng diện tích sàn từ 5.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 1.000 m ² đến dưới 5.000 m ²
37	Cơ sở kinh doanh khí đốt	Có tổng lượng khí đốt tồn chứa trên 500 kg	
38	Cửa hàng xăng dầu	Không phụ thuộc quy mô	
39	Nhà máy lọc dầu; nhà máy hóa dầu; nhà máy lọc, hóa dầu; nhà máy chế biến khí; nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học; kho chứa dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ; kho chứa khí hóa lỏng; trạm chiết nạp khí hóa lỏng; trạm phân phối khí đốt	Không phụ thuộc quy mô	-
40	Nhà máy điện	Không phụ thuộc quy mô	-
41	Trạm biến áp có điện áp từ 110 kV trở lên	Điện áp 500 kV	Điện áp 110 kV và 220 kV
42	Cơ sở sản xuất vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ công nghiệp, vũ khí, công cụ hỗ trợ; kho cố định chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ công nghiệp, vũ khí, công cụ hỗ trợ	Không phụ thuộc quy mô	-
43	Cơ sở sản xuất công nghiệp có nhà phục vụ sản xuất thuộc hạng nguy hiểm cháy nổ A, B	Có khối tích từ 7.000 m ³ trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 1.000 m ² trở lên	Có khối tích dưới 7.000 m ³ hoặc có tổng diện tích sàn dưới 1000 m ²

TT	Loại hình cơ sở	Nhóm 1	Nhóm 2
44	Cơ sở sản xuất công nghiệp có nhà phục vụ sản xuất thuộc hạng nguy hiểm cháy C	Có khối tích từ 15.000 m ³ trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 2.000 m ² trở lên	Có khối tích dưới 15.000 m ³ hoặc có tổng diện tích sàn dưới 2.000 m ²
45	Cơ sở sản xuất công nghiệp có nhà phục vụ sản xuất thuộc hạng nguy hiểm cháy D, E	Có khối tích từ 30.000 m ³ trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 10.000 m ² trở lên	Có khối tích từ 5.000 m ³ đến dưới 30.000 m ³ hoặc có tổng diện tích sàn từ 1.000 m ² đến dưới 10.000 m ²
46	Kho chứa hàng hóa có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B; kho chứa hàng hóa có hạng nguy hiểm cháy C	Có tổng diện tích sàn từ 2.000 m ² trở lên	Có tổng diện tích sàn từ 200 m ² đến dưới 2.000 m ²
47	Kho chứa hàng hóa có hạng nguy hiểm cháy D, E	-	Có khối tích từ 5.000 m ³ trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 1.000 m ² trở lên
III. Ban Quản lý các khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang chủ trì, các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp			
48	Các dự án, công trình nằm trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp do Ban Quản lý các khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh quản lý	Quy mô áp dụng theo quy mô công trình, dự án được quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục này	Quy mô áp dụng theo quy mô công trình, dự án được quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục này